



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư
Dragon Capital Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	01/GPĐT-UBCKNN	ngày 15 tháng 7 năm 2003
Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	179/QĐ-UBCK 58/QĐ-UBCK 766/QĐ-UBCK 253/QĐ-UBCK 16/UBCK-GP 45/UBCK-GP 63/UBCK-GP 73/UBCK-GP 79/UBCK-GP 361/QĐ-UBCK 36/GPĐC-UBCK 17/GPĐC-UBCK 06/GPĐC-UBCK 88/GPĐC-UBCK 39/GPĐC-UBCK	ngày 18 tháng 8 năm 2003 ngày 7 tháng 3 năm 2005 ngày 8 tháng 12 năm 2006 ngày 5 tháng 4 năm 2007 ngày 23 tháng 6 năm 2008 ngày 8 tháng 1 năm 2009 ngày 24 tháng 2 năm 2010 ngày 24 tháng 6 năm 2010 ngày 4 tháng 11 năm 2010 ngày 18 tháng 4 năm 2012 ngày 28 tháng 5 năm 2012 ngày 3 tháng 6 năm 2013 ngày 30 tháng 1 năm 2019 ngày 30 tháng 12 năm 2020 ngày 8 tháng 6 năm 2021

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Hội đồng Quản trị	Ông Dominic Timothy Charles Scriven Ông Trần Thanh Tân Ông Beat Schurch Ông Lê Anh Minh Ông Nguyễn Quốc Huân (Johan Nyvene)	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Beat Schurch Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Ông Trần Lê Minh Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 11 tháng 3 năm 2021) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 11 tháng 3 năm 2021) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 11 tháng 3 năm 2021)
Ban Kiểm soát	Bà Phan Thị Túy Vân Ông Võ Trần Đình Hiếu Bà Phạm Thị Thanh Thúy	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 25 tháng 3 năm 2021) Thành viên (đến ngày 25 tháng 3 năm 2021) Thành viên (đến ngày 25 tháng 3 năm 2021)
Ủy ban Kiểm toán	Ông Nguyễn Quốc Huân (Johan Nyvene) Ông Lê Anh Minh	Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 3 năm 2021) Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 3 năm 2021)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point
Số 2 Ngô Đức Kế
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

2-00
HÀNH
TY T
MC
HỒ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 61.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của chúng tôi bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00322-21-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B01a – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		438.920.569.040	179.270.802.640
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	99.949.855.899	117.317.339.520
Tiền	111		14.949.855.899	3.317.339.520
Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000.000	114.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		214.655.640.000	41.441.983.318
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	121	5	214.655.640.000	41.441.983.318
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113.793.420.297	16.508.320.819
Trả trước cho người bán	132	6	3.095.960.000	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	7	109.115.497.224	12.028.125.304
Phải thu ngắn hạn khác	135	8(a)	1.581.963.073	4.480.195.515
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.521.652.844	4.003.158.983
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	10.521.652.844	4.003.158.983
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		76.055.277.224	150.301.008.873
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.218.756.668	1.106.223.200
Phải thu dài hạn khác	218	8(b)	5.218.756.668	1.106.223.200
Tài sản cố định	220		37.248.223.412	15.137.413.340
Tài sản cố định hữu hình	221	9	13.025.910.651	4.872.643.331
Nguyên giá	222		20.382.991.168	11.769.433.768
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.357.080.517)	(6.896.790.437)
Tài sản cố định vô hình	227	10	5.856.920.994	6.755.510.982
Nguyên giá	228		13.750.298.596	13.687.298.596
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.893.377.602)	(6.931.787.614)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	18.365.391.767	3.509.259.027
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	130.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		-	130.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		33.588.297.144	4.057.372.333
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	12.777.464.747	276.322.229
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	13	20.810.832.397	3.781.050.104
Tài sản dài hạn khác	268	14	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		514.975.846.264	329.571.811.513

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		142.626.429.231	19.226.193.255
Nợ ngắn hạn	310		142.626.429.231	19.226.193.255
Phải trả người bán	312	15	2.939.548.092	3.650.789.884
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	42.852.513.893	4.031.177.248
Chi phí phải trả	316	17	94.054.161.987	8.905.250.520
Phải trả ngắn hạn khác	319		2.780.205.259	2.638.975.603
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		372.349.417.033	310.345.618.258
Vốn cổ phần	411	18	214.772.030.000	214.772.030.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(60.690.000.000)	(60.690.000.000)
Quỹ dự phòng tài chính	418		16.385.370.337	13.285.180.398
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8.347.097.019	5.246.907.080
Lợi nhuận chưa phân phối	420		193.534.919.677	137.731.500.780
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		514.975.846.264	329.571.811.513

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Ngoại tệ các loại	005	19(b)	3.710.899.484	7.466.408
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	20	3.554.664.159	1.266.602.398
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		3.110.106.176	822.340.971
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		444.557.983	444.261.427
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	21	107.961.181.513	88.926.163.785
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		107.961.181.513	73.566.497.082
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	15.359.666.703
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	22	3.672.814.878	4.376.251.248
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	23	672.979.413	513.534.247

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:

Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B02a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	24	304.616.836.596	38.654.139.880
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	11.985.065.947	8.190.586.391
Chi phí tài chính	22	26	110.507.031	11.880.006.621
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	27	198.551.324.700	33.344.213.873
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 22 - 25)	30		117.940.070.812	1.620.505.777
Thu nhập khác	31	28	141.280.574	2.884.425.000
Chi phí khác	32	29	40.093.236.111	-
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(39.951.955.537)	2.884.425.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		77.988.115.275	4.504.930.777
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	33.014.098.793	201.489.054
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(17.029.782.293)	863.067.500
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		62.003.798.775	3.440.374.223
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.887	160

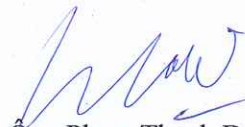
Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ và doanh thu khác	01 207.529.464.676	38.479.327.338
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02 (53.532.885.204)	(13.165.718.890)
Tiền chi trả cho người lao động	03 (55.745.057.889)	(16.465.041.729)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05 (1.552.490.676)	(2.273.720.771)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06 90.907.078	2.956.062.334
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07 (62.354.017.440)	(5.491.003.572)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20 34.435.920.545	4.039.904.710
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21 (26.131.190.140)	(2.771.672.300)
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	22 2.000.000.000	400.000.000
Tiền chi mua các công cụ nợ	23 (70.208.762.650)	(178.138.026.534)
Tiền thu bán các công cụ nợ	24 227.441.597.681	79.346.085.567
Tiền chi đầu tư vào cổ phiếu	25 (199.000.000.000)	-
Tiền thu từ thanh lý cổ phiếu	26 -	105.284.113.339
Tiền thu từ lãi và cổ tức	27 14.091.219.414	9.409.737.351
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30 (51.807.135.695)	13.530.237.423

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	(17.371.215.150)	17.570.142.133
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	117.317.339.520	39.707.409.422
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.731.529	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	99.949.855.899	57.277.551.555

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Phạm Thanh Dũng
 Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B05a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	214.772.030.000	(60.690.000.000)	12.070.966.223	4.032.692.905	115.875.645.634	286.061.334.762
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.440.374.223	3.440.374.223
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	-	172.018.711	-	(172.018.711)	-
Trích lập Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	172.018.711	(172.018.711)	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	214.772.030.000	(60.690.000.000)	12.242.984.934	4.204.711.616	118.971.982.435	289.501.708.985
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	214.772.030.000	(60.690.000.000)	13.285.180.398	5.246.907.080	137.731.500.780	310.345.618.258
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	62.003.798.775	62.003.798.775
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	-	3.100.189.939	-	(3.100.189.939)	-
Trích lập Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	3.100.189.939	(3.100.189.939)	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	214.772.030.000	(60.690.000.000)	16.385.370.337	8.347.097.019	193.534.919.677	372.349.417.033

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người duyệt:



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 01/GPĐT-UBCKNN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNNVN”) cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003. Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 8 tháng 1 năm 2009 là ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn cổ phần của Công ty là 214.772 triệu VND.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 139 nhân viên (31/12/2020: 47 nhân viên) trong đó có 10 nhân viên quản lý cấp cao, 92 nhân viên mới tuyển dụng, không có nhân viên nghỉ việc và không có nhân viên vi phạm kỷ luật (31/12/2020: 19 nhân viên quản lý cấp cao, 1 nhân viên mới tuyển dụng, 1 nhân viên nghỉ việc và không có nhân viên vi phạm kỷ luật).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 28 nhân viên (31/12/2020: 17 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ này, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi nhận các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào, bán ra để thu lợi trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin và phí ngân hàng (nếu có). Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, giá thực tế trên thị trường là giá chứng khoán thực tế tại các Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán, giá thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa được niêm yết (“UPCOM”)), giá thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trong trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong trường hợp Công ty không thể xác định giá thực tế trên thị trường của chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá thực tế trên thị trường của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành và trái phiếu doanh nghiệp giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư dài hạn

Khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc tham khảo tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỷ lệ trích lập dự phòng như sau:



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 - 8 năm
- phương tiện vận chuyên 6 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 8 năm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho hệ thống phần mềm máy vi tính chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc từ 12 tháng trở lên (“người lao động đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động phải trả trợ cấp thôi việc cho người lao động được tính theo năm công tác và bồi thường của nhân viên khi thôi việc. Dự phòng trợ cấp thôi việc được cung cấp dựa trên số năm làm việc của người lao động và mức lương bình quân của họ trong thời gian sáu tháng trước khi kết thúc kỳ kế toán năm. Nhằm xác định số năm làm việc của người lao động, thời gian người lao động tham gia và đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành và thời gian Công ty đã trả trợ cấp thôi việc.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(k) Thuế thu nhập

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Vốn cổ phần

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(m) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư 146, Công ty phải trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được dùng để bổ sung vốn cổ phần của Công ty theo quyết định của cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm hoặc các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần để chi trả cổ tức.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 125.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và danh mục đầu tư chứng khoán, phí mua lại và phí phát hành chứng chỉ quỹ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Tiền mặt	121.248.163	135.923.687
Tiền gửi ngân hàng	14.828.607.736	3.181.415.833
Các khoản tương đương tiền (*)	85.000.000.000	114.000.000.000
	99.949.855.899	117.317.339.520
	99.949.855.899	117.317.339.520

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và được hưởng lãi suất năm từ 3,00% đến 3,40% (31/12/2020: từ 3,20% đến 3,90%).

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh (a)	214.655.640.000	15.655.640.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	25.786.343.318
	214.655.640.000	41.441.983.318
	214.655.640.000	41.441.983.318

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2021			31/12/2020				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết								
▪ DCIP (*)	21.426.905	199.000.000.000	199.965.302.498	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết								
▪ THA	655.200	15.655.640.000	20.966.400.000	-	655.200	15.655.640.000	17.690.400.000	-
		214.655.640.000	220.931.702.498	-		15.655.640.000	17.690.400.000	-

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty nắm giữ 94% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ này (31/12/2020: 0%).

Công ty không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của công ty được Công ty đầu tư. Theo đó, Công ty không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến công ty được đầu tư mà chỉ nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn. Do đó, các khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận như chứng khoán kinh doanh theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

6. Trả trước cho người bán

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Khu du lịch sinh thái biển Bãi Bắc	1.868.200.000	-
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Zunik	700.000.000	-
Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ đào tạo Quản trị doanh nghiệp	523.800.000	-
Công ty Cổ phần VCCorp	3.960.000	-
	<hr/>	
	3.095.960.000	-
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán – bên liên quan (Thuyết minh 31) (*)	87.594.380.375	-
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK)	87.594.380.375	-
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán – các bên liên quan (Thuyết minh 31) (*):	20.857.949.360	11.518.941.343
▪ FUEVFNVD - Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (trước đây là ETF VFMVN DIAMOND)	8.816.047.069	2.974.769.149
▪ E1VFN30 - Quỹ ETF DCVFMVN30 (trước đây là ETF VFMVN30)	5.180.293.910	3.919.072.787
▪ VFMVSF - Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc	3.070.230.355	1.774.754.218
▪ DCDS – Quỹ Đầu tư Chứng khoán Năng động DC (trước đây là VFMVF1 - Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam)	1.673.901.469	945.051.941
▪ DCBF – Quỹ Đầu tư Trái phiếu DC (trước đây là VFMVFB - Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam)	1.163.026.927	908.681.562
▪ DCBC - Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu DC (trước đây là VFMVF4 - Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam)	812.595.186	991.444.944
▪ DCIP – Quỹ Đầu tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Cổ định DC (trước đây là VFMVFC - Quỹ đầu tư Định hướng Bảo toàn Vốn Việt Nam)	102.785.566	5.166.742
▪ PHUCAN – Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyễn Phúc An	22.947.642	-
▪ THINHAN – Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyễn Thịnh An	8.267.895	-
▪ VINHAN – Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyễn Vĩnh An	7.853.341	-
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư:	663.167.489	509.183.961
▪ Các nhà đầu tư ủy thác trong nước	247.594.822	152.514.461
▪ Các nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	415.572.667	356.669.500
	109.115.497.224	12.028.125.304

(*) Các khoản phải thu từ các bên liên quan về hoạt động tư vấn và quản lý không có bảo đảm, không tính lãi và có thể thu theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng	1.255.207.800	-
Tạm ứng cho nhân viên	114.535.750	391.806.476
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	78.712.330	60.964.381
Lãi phải thu từ trái phiếu doanh nghiệp	-	3.775.013.699
Lãi phải thu từ chứng chỉ tiền gửi	-	252.410.959
Phải thu khác	133.507.193	-
	<hr/>	<hr/>
	1.581.963.073	4.480.195.515
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	4.301.031.250	1.101.223.200
Đặt cọc thuê nhà	871.205.418	-
Phải thu khác	46.520.000	5.000.000
	<hr/>	<hr/>
	5.218.756.668	1.106.223.200
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	9.170.933.768	2.598.500.000	11.769.433.768
Tăng trong kỳ	1.730.484.500	9.481.572.900	11.212.057.400
Thanh lý	-	(2.598.500.000)	(2.598.500.000)
Số dư cuối kỳ	10.901.418.268	9.481.572.900	20.382.991.168
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	6.499.797.381	396.993.056	6.896.790.437
Khấu hao trong kỳ	462.217.598	503.336.371	965.553.969
Thanh lý	-	(505.263.889)	(505.263.889)
Số dư cuối kỳ	6.962.014.979	395.065.538	7.357.080.517
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	2.671.136.387	2.201.506.944	4.872.643.331
Số dư cuối kỳ	3.939.403.289	9.086.507.362	13.025.910.651



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	12.475.228.523	1.137.759.664	13.612.988.187
Tăng trong kỳ	82.172.300	2.598.500.000	2.680.672.300
Thanh lý	-	(1.137.759.664)	(1.137.759.664)
Số dư cuối kỳ	12.557.400.823	2.598.500.000	15.155.900.823
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	9.698.379.467	1.137.759.664	10.836.139.131
Khấu hao trong kỳ	580.968.097	180.595.750	761.563.847
Thanh lý	-	(1.137.759.664)	(1.137.759.664)
Số dư cuối kỳ	10.279.347.564	180.595.750	10.459.943.314
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	2.776.849.056	-	2.776.849.056
Số dư cuối kỳ	2.278.053.259	2.417.904.250	4.695.957.509

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 5.476.826.818 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (31/12/2020: 5.130.670.818 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	13.687.298.596	14.483.084.611
Tăng trong kỳ	63.000.000	182.000.000
Số dư cuối kỳ	13.750.298.596	14.665.084.611
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	6.931.787.614	6.470.513.491
Khấu hao trong kỳ	961.589.988	985.203.379
Số dư cuối kỳ	7.893.377.602	7.455.716.870
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	6.755.510.982	8.012.571.120
Số dư cuối kỳ	5.856.920.994	7.209.367.741

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 2.610.318.046 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (31/12/2020: 2.502.818.046 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	3.509.259.027	-
Tăng trong kỳ	24.102.146.022	-
Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	(9.246.013.282)	-
Số dư cuối kỳ	18.365.391.767	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Phần mềm quản lý đầu tư	17.097.030.767	3.509.259.027
Phần mềm VF-iTrade	612.861.000	-
Phần mềm Fundtrack	401.000.000	-
Phần mềm Diamond	254.500.000	-
	<hr/>	
	18.365.391.767	3.509.259.027
	<hr/>	

Chi phí xây dựng dở dang là các phần mềm chưa đưa vào sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Trợ cấp cho nhân viên	5.347.500.000	-
Chi phí thuê	4.290.018.177	3.196.331.034
Chi phí bảo hiểm	130.451.556	353.259.821
Chi phí trả trước khác	753.683.111	453.568.128
	<hr/>	
	10.521.652.844	4.003.158.983
	<hr/>	

(b) Chi phí trả trước dài hạn

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	276.322.229	-	276.322.229
Tăng trong kỳ	2.300.292.200	10.792.164.682	13.092.456.882
Phân bổ trong kỳ	(254.216.773)	(337.097.591)	(591.314.364)
	<hr/>		
Số dư cuối kỳ	2.322.397.656	10.455.067.091	12.777.464.747
	<hr/>		

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2020**

**Công cụ và
dụng cụ
VND**

Số dư đầu kỳ	919.826.108
Tăng trong kỳ	126.543.006
Phân bổ trong kỳ	(666.844.239)
	379.524.875
Số dư cuối kỳ	379.524.875

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	Thuế suất	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho:</i>			
Chi phí phải trả và dự phòng	20%	20.810.832.397	3.781.050.104
		20.810.832.397	3.781.050.104

14. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác với số tiền là 10.000 triệu VND liên quan đến việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ ngày 19 tháng 1 năm 2018 giữa Công ty và Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (“VFMVF2”).

Theo đó, Công ty nhận chuyển giao từ VFMVF2 quyền và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 2407/HĐKT-M&C mà VFMVF2 đã ký với Công ty Cổ phần M&C (“M&C”) vào ngày 8 tháng 11 năm 2007 (“Hợp đồng 2407”) về việc cùng đầu tư xây dựng Dự án Cao ốc Sài Gòn M&C ở tại số 34 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (“Dự án”) do Công ty Cổ phần Sài Gòn One Tower (trước đây là Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn M&C - là công ty con của Công ty Cổ phần M&C tại ngày ký Hợp đồng 2407) là chủ đầu tư.

Theo Hợp đồng 2407, VFMVF2 góp vốn đầu tư xây dựng Dự án bằng tiền để nhận lại kết quả đầu tư là diện tích sàn căn hộ dự án sau khi Dự án được hoàn tất. Dự án đã tạm ngưng thi công từ năm 2011 và đang được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) thu giữ nhằm mục đích xử lý, thu hồi nợ của các tổ chức có liên quan. Theo đó, Công ty không ghi nhận phần chia phát sinh từ hoạt động đồng kiểm soát tài sản theo Hợp đồng 2407.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Theo Nghị quyết số 06/VF2-2017/NQĐH của Đại hội Nhà đầu tư thường niên của VFMVF2 ngày 14 tháng 12 năm 2017, sau khi giải thể VFMVF2, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục khởi kiện M&C ra tòa án do vi phạm hợp đồng hoặc chuyển nhượng lại tài sản này cho bên thứ ba. Trong trường hợp số tiền thanh toán từ bên thứ ba hoặc khoản tiền bồi thường mà Công ty nhận được từ M&C cao hơn 10.000 triệu VND, Công ty sẽ chi trả phần chênh lệch cho các thành viên góp vốn của VFMVF2 theo tỷ lệ sở hữu của mỗi thành viên này sau khi trừ đi chi phí chuyển nhượng, khởi kiện hoặc thu hồi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã đánh giá và trích lập 100% dự phòng đối với tài sản này (31/12/2020: 100%).

15. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2021		31/12/2020	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Shoreline Consulting Pte	2.089.148.245	2.089.148.245	3.509.259.027	3.509.259.027
Các nhà cung cấp khác	850.399.847	850.399.847	141.530.857	141.530.857
	2.939.548.092	2.939.548.092	3.650.789.884	3.650.789.884

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2020 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.924.601.056	33.014.098.793	(1.552.490.676)	34.386.209.173
Thuế thu nhập cá nhân	1.105.597.434	21.446.469.748	(14.085.762.462)	8.466.304.720
Thuế nhà thầu nước ngoài	11.526.802	1.721.751.470	(1.722.730.228)	10.548.044
Thuế giá trị gia tăng	-	204.972.727	(204.972.727)	-
Các loại thuế khác	(10.548.044)	607.770.771	(607.770.771)	(10.548.044)
	4.031.177.248	56.995.063.509	(18.173.726.864)	42.852.513.893

17. Chi phí phải trả

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền thưởng theo thành tích	78.234.338.971	5.510.322.393
Lương phụ cấp	8.428.705.896	349.077.656
Phí tư vấn	2.206.850.000	2.206.850.000
Phí đại lý	3.062.778.500	337.300.471
Phí giới thiệu	684.771.949	67.200.000
Chi phí khác	1.436.716.671	434.500.000
	94.054.161.987	8.905.250.520

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2021		31/12/2020	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Vốn cổ phần được duyệt	21.477.203	214.772.030.000	21.477.203	214.772.030.000
Vốn cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu phổ thông	21.477.203	214.772.030.000	21.477.203	214.772.030.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Cơ cấu cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2021:

	30/6/2021		
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Phần trăm vốn chủ sở hữu (%)
Cổ phiếu đang lưu hành – Cổ phiếu phổ thông			
Các cổ đông đang nắm giữ:			
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK)	10.713.519	107.135.190.000	49,88
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe)	10.133.684	101.336.840.000	47,18
▪ Nhân viên công ty	630.000	6.300.000.000	2,94
	21.477.203	214.772.030.000	100,00

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	31/12/2020		
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Phần trăm vốn chủ sở hữu (%)
Cổ phiếu đang lưu hành – Cổ phiếu phổ thông			
Các cổ đông đang nắm giữ:			
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK)	10.713.519	107.135.190.000	49,88
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe)	10.133.684	101.336.840.000	47,18
▪ Các cá nhân khác	420.000	4.200.000.000	1,96
▪ Nhân viên công ty	210.000	2.100.000.000	0,98
	21.477.203	214.772.030.000	100,00

Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe) và Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK) được thành lập lần lượt tại Vương quốc Anh và Hồng Kông. Công ty TNHH Dragon Capital Group, công ty mẹ cấp cao nhất của Công ty, được thành lập tại Quần đảo Virgin thuộc Anh.

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu có quyền biểu quyết một lần tại các cuộc họp của các cổ đông của Công ty. Cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tùy từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông được xếp hạng như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	20.841.792.900	1.741.656.000
Trong vòng hai đến năm năm	30.043.396.290	-
	50.885.189.190	1.741.656.000

(b) Ngoại tệ

	30/6/2021		31/12/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	161.977	3.710.899.484	322	7.466.408



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

20. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Bao gồm trong tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác sau:

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Các nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Nhà đầu tư đứng tên		
D003 (ii)	3.063.559.766	745.915.531
D002 (i)	46.546.410	76.425.440
	<hr/>	<hr/>
	3.110.106.176	822.340.971
	<hr/>	<hr/>
Các nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
DCVFM đứng tên		
F001 (iii)	444.557.983	444.261.427
	<hr/>	<hr/>
	444.557.983	444.261.427
	<hr/>	<hr/>
	3.554.664.159	1.266.602.398
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong kỳ của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) D002

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	76.425.440	724.956.267
Tăng trong kỳ	44.361.208.678	29.336.584.639
<i>Tất toán tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn</i>	23.300.000.000	18.200.000.000
<i>Nhận tiền từ bán chứng khoán</i>	12.123.452.236	-
<i>Nhận tiền từ nhà đầu tư ủy thác</i>	7.377.438.300	-
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	1.559.575.642	1.827.169.039
<i>Đáo hạn chứng chỉ tiền gửi</i>	-	7.000.000.000
<i>Tăng khác</i>	742.500	2.309.415.600
Giảm trong kỳ	(44.391.087.708)	(29.862.687.263)
<i>Gửi tiền có kỳ hạn</i>	(20.100.000.000)	(25.600.000.000)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(23.573.805.199)	(3.866.495.438)
<i>Giảm khác</i>	(717.282.509)	(396.191.825)
Số dư cuối kỳ	46.546.410	198.853.643

(ii) D003

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	745.915.531	541.678.669
Tăng trong kỳ	49.619.870.637	7.278.480.699
<i>Nhận tiền từ nhà đầu tư ủy thác</i>	28.748.566.200	2.243.355.000
<i>Nhận tiền từ bán chứng khoán</i>	12.115.648.873	1.295.878.575
<i>Tất toán tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn</i>	8.500.000.000	3.650.000.000
<i>Tăng khác</i>	255.655.564	89.247.124
Giảm trong kỳ	(47.302.226.402)	(7.347.324.381)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(38.290.189.236)	(3.249.284.783)
<i>Gửi tiền có kỳ hạn</i>	(7.700.000.000)	(3.800.000.000)
<i>Giảm khác</i>	(1.312.037.166)	(298.039.598)
Số dư cuối kỳ	3.063.559.766	472.834.987

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iii) F001

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	444.261.427	467.772.679
Tăng trong kỳ	428.556	447.799
<i>Tăng khác</i>	428.556	447.799
Giảm trong kỳ	(132.000)	(4.613.161)
<i>Giảm khác</i>	(132.000)	(4.613.161)
Số dư cuối kỳ	444.557.983	463.607.317

21. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Các nhà đầu tư ủy thác trong nước	107.961.181.513	73.566.497.082
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Cổ phiếu niêm yết	47.294.386.508	21.332.133.043
Trái phiếu chưa niêm yết	25.776.928.763	11.845.618.726
Trái phiếu niêm yết	15.289.866.242	16.788.745.313
Chứng chỉ tiền gửi	14.500.000.000	14.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	5.100.000.000	9.100.000.000
Các nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	15.359.666.703
Danh mục do Công ty đứng tên		
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	15.359.666.703
	107.961.181.513	88.926.163.785

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiết danh mục đầu tư nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác như sau:

	Mã số	Số lượng	30/6/2021		31/12/2020		Dự phòng giảm giá VND	Dự phòng giảm giá VND
			Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Giá gốc VND	Giá thị trường VND		
Cổ phiếu niêm yết								
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên								
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	124.950	3.493.382.471	6.434.925.000	-	65.000	1.719.345.003	2.694.250.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	TCB	95.000	3.961.031.663	5.006.500.000	-	20.000	460.131.953	630.000.000
▪ Công ty Cổ phần FPT	FPT	54.000	2.857.470.820	4.752.000.000	-	39.000	1.932.397.500	2.304.900.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VCB	35.000	3.113.047.729	4.074.000.000	-	25.000	2.106.661.994	2.447.500.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	MBB	80.076	2.446.673.227	3.471.294.600	-	11.272	203.873.908	259.256.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	CTG	60.000	2.290.123.037	3.162.000.000	-	33.000	933.474.062	1.140.150.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	20.000	2.391.408.034	3.040.000.000	-	12.000	1.299.172.134	1.426.800.000
▪ Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	28.000	2.764.770.945	2.802.800.000	-	11.000	880.425.583	891.000.000
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	KBC	50.000	1.537.770.294	1.920.000.000	-	12.800	188.967.994	312.320.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	38.000	1.587.639.439	1.795.500.000	-	40.000	1.651.722.466	1.916.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	ACB	31.250	558.970.360	1.115.625.000	-	25.000	558.970.360	702.500.000
▪ Công ty Cổ phần Phú Tài	PTB	10.061	699.739.162	869.270.400	-	3.000	185.513.828	184.800.000
▪ Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	8.000	665.960.236	944.000.000	-	12.000	998.940.354	1.074.000.000
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	REE	15.000	664.630.871	865.500.000	-	12.000	493.511.171	587.400.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	KDH	20.900	520.775.544	784.795.000	-	12.000	299.193.669	351.600.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	NLG	17.004	520.385.305	663.156.000	-	10.704	295.483.457	315.768.000
▪ Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	SZC	18.000	542.403.156	694.800.000	-	11.000	268.678.184	352.000.000
▪ Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	ACV	-	-	-	-	6.000	427.079.660	486.000.000
▪ Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	GAS	-	-	-	-	7.000	565.293.981	606.200.000
▪ Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	KSB	-	-	-	-	34.000	788.932.773	1.079.500.000
▪ Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	PHR	-	-	-	-	11.000	628.240.884	693.000.000
▪ Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	VHC	-	-	-	-	14.000	529.236.249	579.600.000



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	30/6/2021				31/12/2020				
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)									
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	80.000	3.821.681.761	5.416.000.000	-	-	514.602.742	650.000.000	-
▪ Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	VIC	32.000	3.863.188.074	3.808.000.000	(55.188.074)	5.000	559.381.233	541.000.000	(18.381.233)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL	25.004	1.825.251.278	3.025.484.000	-	-	-	-	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	STB	90.000	2.577.787.300	2.754.000.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	40.000	1.616.570.380	2.200.000.000	-	10.000	294.606.080	331.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	VND	31.000	1.039.456.850	1.376.400.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Long Hậu	LHG	30.000	1.192.345.879	1.360.500.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	DHC	11.000	643.283.002	1.155.000.000	-	7.000	245.517.725	240.100.000	(5.417.725)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	HDC	2.750	98.639.691	142.725.000	-	4.000	173.389.217	243.600.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	ASM	-	-	-	-	4.000	142.298.122	147.800.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	HSG	-	-	-	-	8.000	124.343.674	135.200.000	-
▪ Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	NTC	-	-	-	-	10.000	228.091.625	221.500.000	(6.591.625)
▪ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	-	-	-	-	1.450	307.219.808	415.570.000	-
▪ Công ty Cổ phần Vincom Retail	VRE	-	-	-	-	4.700	483.600.014	511.360.000	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	VTP	-	-	-	-	12.000	373.306.992	376.800.000	-
						5.003	470.528.644	542.825.500	-
Cổ phiếu không niêm yết									
Danh mục đầu tư do Công ty đứng tên									
▪ Công ty Cổ phần Vexere	Vexere	-	-	-	-	2.368	8.696.553.037	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Tiki	Tiki	-	-	-	-	696.557	6.663.113.666	Chưa xác định	Chưa xác định

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	30/6/2021				31/12/2020				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng VND	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng VND
Trái phiếu niêm yết									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ CTCP Tài Nguyên Masan	MSR11800	70.000	7.125.096.607	6.826.494.500	(298.602.107)	70.000	7.125.096.607	7.096.182.870	(28.913.737)
▪ Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	SCR11816	75.000	7.663.648.706	7.500.027.150	(163.621.556)	75.000	7.663.648.706	7.663.648.725	-
▪ Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM11801	5.000	501.120.929	500.561.040	(559.889)	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC	-	-	-	-	20.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-
Trái phiếu chưa niêm yết									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	DXG	100	10.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR	90	8.990.103.836	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	MSN	37.552	3.786.824.927	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	VDS	3.000	3.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	3.000	3.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh	CII	-	-	-	-	90	8.845.618.726	Chưa xác định	Chưa xác định
Tiền gửi có kỳ hạn									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam		15	5.100.000.000	-	-	12	5.400.000.000	-	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á châu		-	-	-	-	3	3.000.000.000	-	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam		-	-	-	-	1	700.000.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam		7	7.000.000.000	-	-	7	7.000.000.000	-	-
▪ Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng		7.500	7.500.000.000	-	-	7.500	7.500.000.000	-	-
			107.961.181.513				88.926.163.785		

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mệnh giá của các cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi như sau:

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Trái phiếu chưa niêm yết	25.755.200.000	12.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	5.100.000.000	9.100.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	14.500.000.000	14.500.000.000
Danh mục do Công ty đứng tên		
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	6.989.250.000
	45.355.200.000	42.589.250.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán chưa niêm yết nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các chứng khoán này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư 125 hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

22. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Lãi phải thu từ chứng chỉ tiền gửi	1.535.021.917	1.163.104.109
Phải thu từ bán chứng khoán	1.172.328.795	-
Lãi phải thu từ trái phiếu doanh nghiệp	926.617.590	1.079.560.959
Cổ tức phải thu	35.000.000	92.900.000
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn ở ngân hàng	3.846.576	60.605.480
Phải thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	-	1.980.080.700
	3.672.814.878	4.376.251.248

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Phí quản lý danh mục đầu tư	247.594.822	152.514.461
Danh mục do Công ty đứng tên		
Phí quản lý danh mục đầu tư	415.572.667	356.669.500
Phí lưu ký	9.811.924	4.350.286
	672.979.413	513.534.247

24. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	202.432.989.037	-
Phí quản lý		
▪ Hoạt động quản lý quỹ (i)	96.205.673.499	35.516.706.793
▪ Hoạt động quản lý danh mục đầu tư ủy thác (ii)	498.685.843	692.754.131
Phí mua lại chứng chỉ quỹ (iii)	4.889.984.177	1.760.323.102
Phí phát hành chứng chỉ quỹ (iii)	589.504.040	684.355.854
	304.616.836.596	38.654.139.880



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty hiện đang quản lý các quỹ DCDS (trước đây là VFMVF1), DCBC (trước đây là VFMVF4), VFMVFA, DCBF (trước đây là VFMVFB), VFMVSF, DCIP (trước đây là VFMVFC), FUEVFNVD và E1VFN30 là các quỹ đầu tư chứng khoán; VINH AN, PHUCAN và THINHAN là các quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện, đều được thành lập tại Việt Nam. Trong đó, quỹ VFMVFA đang trong quá trình giải thể. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Loại hình	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	Giá trị tài sản ròng tại ngày 30/6/2021 VND
DCDS	Quỹ mở	Số 05/GCN-UBCK ngày 8 tháng 10 năm 2013 và Số 17/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	906.450.326.555
DCBC	Quỹ mở	Số 06/GCN-UBCK ngày 16 tháng 12 năm 2013 và Số 15/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	512.250.326.476
VFMVFA	Quỹ mở	Số 03/UBCK-GCN ngày 18 tháng 4 năm 2013	30.970.678
DCBF	Quỹ mở	Số 04/GCN-UBCK ngày 10 tháng 6 năm 2013 và Số 16/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	815.644.329.561
DCIP	Quỹ mở	Số 36/GCN-UBCK ngày 3 tháng 4 năm 2019 và Số 14/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	212.147.745.088
VFMVSF	Quỹ mở	Số 31/GCN-UBCK ngày 02 tháng 3 năm 2018	5.101.533.601.264
E1VFN30	Quỹ hoán đổi danh mục	Số 14/GCN-UBCK ngày 18 tháng 9 năm 2014 và Số 06/GCN-UBCK ngày 28 tháng 4 năm 2021	10.225.479.776.367
FUEVFNVD	Quỹ hoán đổi danh mục	Số 43/GCN-UBCK ngày 22 tháng 4 năm 2020 và Số 13/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	13.530.434.553.505
VINHAN	Quỹ mở	Số 01/GCN-QLQHTBSTN ngày 15 tháng 5	16.958.265.847
PHUCAN	Quỹ mở	2019 và Thông báo số 047/DCVFM/TB-QHTBSTN ngày 26 tháng 1 năm 2021	29.728.062.722
THINHAN	Quỹ mở		23.787.576.462

Công ty được nhận phí quản lý từ các quỹ DCDS, DCBC, DCBF, VFMVSF, DCIP, FUEVFNVD, E1VFN30, VINHAN, PHUCAN và THINHAN như sau:

Quỹ	Phí quản lý
DCDS	1,95% giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCBC	1,93% giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCBF	1,00% giá trị tài sản ròng mỗi năm (đến 25 tháng 4 năm 2021) 1,20% giá trị tài sản ròng mỗi năm (từ 26 tháng 4 năm 2021)
VFMVSF	0,75% giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCIP	1,20% giá trị tài sản ròng mỗi năm
E1VFN30	0,65% giá trị tài sản ròng mỗi năm
FUEVFNVD	0,80% giá trị tài sản ròng mỗi năm

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Quỹ	Phí quản lý
VINHAN	1,10% giá trị tài sản ròng mỗi năm
PHUCAN	1,30% giá trị tài sản ròng mỗi năm
THINHAN	1,50% giá trị tài sản ròng mỗi năm

- (ii) Công ty đã ký các hợp đồng ủy thác đầu tư với các nhà đầu tư ủy thác, theo đó Công ty được nhận phí quản lý và phí thưởng hoạt động. Phí thưởng hoạt động chỉ được nhận nếu các điều kiện nhất định được nêu trong các hợp đồng đầu tư ủy thác được đáp ứng. Không có khoản phí thưởng hoạt động nào phải thu từ các nhà đầu tư ủy thác cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 30 tháng 6 năm 2020 vì các điều kiện không được đáp ứng.
- (iii) Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ như sau:

Quỹ	Tổng phí phát hành	Tổng phí mua lại
DCDS	0,20% - 0,60% giá trị phát hành (đến ngày 30 tháng 4 năm 2021) 0,00% giá trị phát hành (từ ngày 1 tháng 5 năm 2021)	0,00% - 2,50% giá trị chứng chỉ quỹ
DCBC	0,20% - 0,60% giá trị phát hành (đến ngày 30 tháng 4 năm 2021) 0,00% giá trị phát hành (từ ngày 1 tháng 5 năm 2021)	0,00% - 2,50% giá trị chứng chỉ quỹ
DCBF	0,00% - 0,20% giá trị phát hành (đến ngày 30 tháng 4 năm 2021) 0,00% giá trị phát hành (từ ngày 1 tháng 5 năm 2021)	0,00% - 2,00% giá trị chứng chỉ quỹ
VFMVSF	0,00% - 3,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
DCIP	0,00% - 0,20% giá trị phát hành (đến ngày 30 tháng 4 năm 2021) 0,00% giá trị phát hành (từ ngày 1 tháng 5 năm 2021)	0,00% - 2,00% giá trị chứng chỉ quỹ (đến ngày 30 tháng 4 năm 2021) 0,30% - 1,00% giá trị chứng chỉ quỹ (từ ngày 1 tháng 5 năm 2021)
E1VFN30	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
FUEFVND	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
VINHAN	1,50% giá trị phát hành	0,30% giá trị chứng chỉ quỹ
PHUCAN	1,50% giá trị phát hành	0,30% giá trị chứng chỉ quỹ
THINHAN	1,50% giá trị phát hành	0,30% giá trị chứng chỉ quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi từ trái phiếu	8.158.259.566	3.862.119.205
Lãi tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	1.923.283.139	4.328.467.186
Lãi từ bán trái phiếu doanh nghiệp	1.035.092.005	-
Lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái	457.031.529	-
Lãi từ bán chứng chỉ quỹ	411.399.708	-
	11.985.065.947	8.190.586.391

26. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Phí ngân hàng	94.102.871	37.341.356
Chi phí môi giới	16.404.160	-
Lỗ từ bán cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	-	9.914.178.409
Lỗ từ bán trái phiếu chính phủ	-	1.928.486.856
	110.507.031	11.880.006.621

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	161.572.867.061	17.734.612.108
Chi phí văn phòng	12.682.954.826	7.367.381.865
Chi phí giới thiệu khách hàng	6.675.445.717	1.324.174.671
Chi phí mua thông tin	3.540.941.814	668.430.678
Phí dịch vụ chuyên môn	2.999.012.745	1.285.477.000
Chi phí thuê nhà cho nhân viên nước ngoài	2.476.410.096	-
Chi phí khấu hao	1.927.143.957	1.746.767.226
Phí quảng cáo, phí đăng báo	1.562.560.360	816.313.562
Phí công tác và phí đi lại	1.470.312.224	867.703.411
Phí quà tặng	1.647.517.222	755.250.357
Chi phí tiếp khách	877.947.814	694.382.293
Phí huấn luyện và hội thảo	213.935.153	16.830.000
Chi phí khác	904.275.711	66.890.702
	198.551.324.700	33.344.213.873

28. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Phí đại diện	141.280.574	115.425.000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	400.000.000
Tiền bồi thường từ vi phạm hợp đồng mua chứng khoán	-	2.369.000.000
	141.280.574	2.884.425.000



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Ủng hộ, tài trợ tiền cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mua vắc xin phòng chống dịch Covid-19	40.000.000.000	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	93.236.111	-
	40.093.236.111	-

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Kỳ hiện hành	33.014.098.793	201.489.054
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(17.029.782.293)	863.067.500
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	15.984.316.500	1.064.556.554

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	77.988.115.275	4.504.930.777
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	15.597.623.055	900.986.155
Chi phí không được khấu trừ thuế	386.693.445	163.570.399
	15.984.316.500	1.064.556.554

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Tinh chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Các quỹ do Công ty quản lý					
▪ DCDS	Phí quản lý Phí phát hành Phí mua lại	6.358.528.011 329.888.382 1.349.244.893	6.838.596.953 62.510.135 168.859.813	1.359.205.366 1.560.000 313.136.103	850.637.160 74.383.005 20.031.776
▪ DCBC	Phí quản lý Phí phát hành Phí mua lại	4.129.735.941 83.701.582 785.133.284	4.684.905.399 127.574.934 444.648.485	773.676.611 1.800.000 37.118.575	745.943.764 26.266.000 219.235.180
▪ DCBF	Phí quản lý Phí phát hành Phí mua lại	4.852.065.452 58.892.076 2.293.485.795	3.063.228.881 186.944.785 857.560.804	812.144.227 - 350.882.700	752.122.398 23.287.199 133.271.965
▪ E1VFN30	Phí quản lý	27.645.674.225	19.316.847.786	5.180.293.910	3.919.072.787
▪ VFMV5F	Phí quản lý Phí phát hành	13.393.110.707 117.000.000	267.990.606 306.000.000	3.070.230.355 -	1.624.754.218 150.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Tính chất giao dịch				
▪ DCIP	Phí quản lý 340.622.514 Phí phát hành 22.000 Phí mua lại 34.736.763 Thuế chuyển nhượng 7.696.658	331.407.450 1.326.000 289.254.000 -	98.900.384 - - 3.885.182	(241.722.130) 2.000 5.164.742 -
▪ FUEVFNVD	Phí quản lý 39.450.065.052 Phí mua lại 424.186.161	1.013.729.718 -	8.594.218.736 221.828.333	2.974.769.149 -
▪ THINHAN	Phí quản lý 8.267.895	-	8.267.895	-
▪ PHUCAN	Phí quản lý 19.750.361 Phí mua lại 3.197.281	- -	19.750.361 3.197.281	- -
▪ VINHAN	Phí quản lý 7.853.341	-	7.853.341	-
Công ty liên quan khác				
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK)	Phí tư vấn đầu tư chứng khoán 202.432.989.037	-	87.594.380.375	-
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Markets	Phí quản lý -	64.377.748	-	-



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

32. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được tính dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 62.003.798.775 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 3.440.374.223 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 21.477.203 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 21.477.203 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	62.003.798.775	3.440.374.223

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 Cổ phiếu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 Cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	21.477.203	21.477.203

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.887	160

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày báo cáo, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

33. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	99.828.607.736	117.181.415.833
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		-	25.786.343.318
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn		-	130.000.000.000
Trả trước cho người bán	(iii)	3.095.960.000	-
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	(iii)	109.115.497.224	12.028.125.304
Phải thu ngắn hạn khác	(ii)	1.467.427.323	4.088.389.039
Phải thu dài hạn khác	(iv)	10.000.000.000	10.000.000.000
		223.507.492.283	299.084.273.494

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iii) Trả trước cho người bán, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Trả trước cho người bán, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ, và phải thu lãi từ tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và các khoản trả trước cho người bán cho mục đích hoạt động. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu từ hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ quỹ thuộc quản lý của Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, trả trước cho người bán, phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác.

Không có khoản phải thu nào bị quá hạn và bị tổn thất tại các ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(iv) Tài sản dài hạn khác

Các tài sản dài hạn khác là được quyền chuyển nhượng từ VFMVF2 theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 14. Rủi ro tín dụng được coi là tối đa do Ban Giám đốc đánh giá rằng tài sản này có thể không thu hồi được.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	2.939.548.092	2.939.548.092	2.939.548.092
Chi phí phải trả	94.054.161.987	94.054.161.987	94.054.161.987
Phải trả ngắn hạn khác	2.780.205.259	2.780.205.259	2.780.205.259
	99.773.915.338	99.773.915.338	99.773.915.338

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	3.650.789.884	3.650.789.884	3.650.789.884
Chi phí phải trả	8.905.250.520	8.905.250.520	8.905.250.520
Phải trả ngắn hạn khác	2.638.975.603	2.638.975.603	2.638.975.603
	15.195.016.007	15.195.016.007	15.195.016.007

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	14.828.607.736	3.181.415.833
Các khoản tương đương tiền	85.000.000.000	114.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	155.786.343.318



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) *Rủi ro tỷ giá hối đoái*

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(iii) *Rủi ro giá cổ phiếu*

Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ.

Công ty đầu tư vào cổ phiếu không niêm yết. Giá trị của các cổ phiếu này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá cổ phiếu bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2021		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Chứng chỉ tiền gửi	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	-	-	125.786.343.318	125.786.343.318
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
▪ Chứng khoán kinh doanh ngắn hạn	214.655.640.000	220.931.702.498	15.655.640.000	17.690.400.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	99.949.855.899	99.949.855.899	117.317.339.520	117.317.339.520
▪ Trả trước cho người bán	3.095.960.000	-	-	-
▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ	109.115.497.224	109.115.497.224	12.028.125.304	12.028.125.304
▪ Phải thu ngắn hạn khác	1.467.427.323	1.467.427.323	4.088.389.039	4.088.389.039
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán	(2.939.548.092)	(2.939.548.092)	(3.650.789.884)	(3.650.789.884)
▪ Chi phí phải trả	(94.054.161.987)	(94.054.161.987)	(8.905.250.520)	(8.905.250.520)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(2.780.205.259)	(2.780.205.259)	(2.638.975.603)	(2.638.975.603)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Chứng khoán kinh doanh

Đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán và chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM), giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá trị hợp lý là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại ngày gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các công cụ tài chính khác

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

34. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 so với ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hay báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

35. Các khoản mục bất thường

Dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam vào ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly toàn xã hội. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, Việt Nam cơ bản thắt chặt cách ly toàn xã hội; các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước tạm thời đóng băng do số lượng các ca nhiễm Covid-19 không ngừng tăng cao. Dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau.

Công ty có trách nhiệm cao trong việc áp dụng các biện pháp khác nhau nhằm giảm thiểu tác động của đại dịch đối với hoạt động kinh doanh. Các ảnh hưởng tiếp theo của dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty không thể được ước tính một cách đáng tin cậy tại thời điểm hiện tại.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc



